

Số: 604/TTr-UBND

An Giang, ngày 13 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch số 26/KH-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp cuối năm 2021 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Văn bản số 110/TT-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc thống nhất với Tờ trình 550/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ sở ban hành

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

Căn cứ quy định trên, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành rà soát các nội dung giữa Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND với Nghị định 81/2021/NĐ-CP và xác định Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND có một phần còn phù hợp và một phần không còn phù hợp với Nghị định mới. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND còn phù hợp với quy định khoản 1 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tức là bằng với thu năm học 2020 - 2021.

Thứ hai, khoản 4 Điều 32 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: *“Cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định tại Nghị định này áp dụng từ năm học 2021 - 2022”*. Do đó, những nội dung của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND liên quan đến nội dung này không còn phù hợp.

Điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, quy định:

“Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo

6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”

Từ cơ sở pháp lý nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết nhằm phù hợp với điều kiện kinh tế và khả năng đóng góp của người dân. Đồng thời, đảm bảo thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, quản lý học phí đúng theo quy định mới (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ 15/10/2021).

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- a) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sau khi được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận danh mục trình dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp cuối năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan thực hiện:

- Xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, trong đó có gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh, đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh và tổng hợp chỉnh lý dự thảo;
- Gửi Sở Tư pháp thẩm định và hoàn chỉnh dự thảo; Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua thành viên Ủy ban nhân dân và trình Ban Văn hóa - xã hội thẩm tra.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND có 3 Điều, gồm:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, 4, 5 Điều 1 và bổ sung khoản 6 Điều 1 của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN VÀ GIẢI TRÌNH

Về ý kiến đóng góp của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thoại Sơn “*Miễn thu dịch vụ giáo dục (học phí) đối với học sinh là người dân tộc Khmer và dân tộc Chăm trên địa bàn tỉnh An Giang*”, với lý do “*Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của các năm học trước đều có nội dung này*”.

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định được miễn học phí đối với học sinh là người dân tộc theo quy định tại khoản 5, 8, 11, 12 và 15 Điều 15, quy định cụ thể:

“Điều 15. Đối tượng được miễn học phí

5. *Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.*

8. *Học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2022 - 2023 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2022).*

11. *Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học.*

12. *Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.*

15. *Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2¹ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.”*

Tại điểm 2 khoản 3 Điều 10 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ Về Công tác dân tộc “ *Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được miễn học phí ở tất cả các cấp học, ngành học*”.

Từ các quy định trên, có sự giới hạn về đối tượng học sinh là người dân tộc được miễn học phí phải đáp ứng các điều kiện cụ thể. Đồng thời, qua tham khảo Nghị quyết về học phí của một số tỉnh như Trà Vinh², Sóc Trăng³, Bình Thuận⁴,... có nhiều học sinh là người dân tộc Khmer, Chăm. Nhận thấy đối tượng học sinh là người dân tộc được miễn học phí cũng phải đáp ứng các điều

¹ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ, tại khoản 1 Điều 2. Đối tượng áp dụng Trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Bâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ (sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người).

² Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

³ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

⁴ Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận.

kiện cụ thể, không quy định tất cả học sinh dân tộc Khmer, Chăm đều được miễn học phí.

Qua ý kiến góp ý của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thoại Sơn, xét thấy chưa đủ cơ sở pháp lý để trình, đồng thời xin giải trình, báo cáo Hội đồng nhân dân được biết.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang

Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: dự thảo Nghị quyết; báo cáo thẩm định; tiếp thu ý kiến thẩm định và bảng tổng hợp tiếp thu ý kiến)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh (b/c);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở: GDĐT, TP, TC;
- VP.Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: CVP, PCVP, Phòng KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước